



<b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	<b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Silver nitrate</b>	MSDS: 24 16/10/2012									
<b>Trang phục bảo hộ</b>		<b>Nhãn</b>	<b>HMSI (USA)</b>								
			<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td style="background-color: #0000FF; color: white;"><b>Health</b></td><td style="background-color: #0000FF; color: white;"><b>3</b></td></tr> <tr><td style="background-color: #FF0000; color: white;"><b>Fire</b></td><td style="background-color: #FF0000; color: white;"><b>0</b></td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFF00; color: black;"><b>Re activity</b></td><td style="background-color: #FFFF00; color: black;"><b>0</b></td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFFFF; color: black;"><b>Personal Protection</b></td><td style="background-color: #FFFFFF; color: black;"><b>J</b></td></tr> </table>	<b>Health</b>	<b>3</b>	<b>Fire</b>	<b>0</b>	<b>Re activity</b>	<b>0</b>	<b>Personal Protection</b>	<b>J</b>
<b>Health</b>	<b>3</b>										
<b>Fire</b>	<b>0</b>										
<b>Re activity</b>	<b>0</b>										
<b>Personal Protection</b>	<b>J</b>										
<b>1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>											
<b>Tên gọi:</b> silver nitrate <b>Tên thương mại:</b> <b>Số CAS:</b> 7761-88-8 <b>Số UN:</b> <b>Số đăng ký EC:</b> <b>Tên nhà sản xuất:</b> <b>Mục đích sử dụng:</b> phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.	<b>Đơn vị sử dụng:</b> VIỆN VỆ SINH - Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719 <b>Liên hệ khẩn cấp:</b> Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115										
<b>2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT</b>											
<b>Tên thành phần hóa chất</b>	<b>CAS-Number</b>	<b>Công thức cấu tạo</b>	<b>% theo khối lượng</b>								
Silver nitrate	7761-88-8	AgNO <sub>3</sub>	100								
<b>3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT</b>											
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tác động cấp tính</b>  <i>Tiếp xúc với mắt:</i> rất nguy hại, có thể làm tổn thương giác mạc hay mù.  <i>Nuốt phải:</i> rất nguy hại.  <i>Hít phải:</i> rất nguy hại. Sự hít phải bụi hóa chất có thể gây kích ứng cho dạ dày và ruột hay phần trên hệ hô hấp. Triệu chứng như: cảm giác phỏng, hắt hơi và ho. Nếu tiếp xúc quá liều có thể gây ra tổn thương phổi, nghẹt thở, bất tỉnh và chết.  <i>Tiếp xúc với da:</i> rất nguy hại (kích ứng) cho đến ít nguy hại. Sự tổn thương da tùy thuộc vào thời gian tiếp xúc.</li> <li>- <b>Tác động mãn tính</b>  <i>Gây ung thư:</i> không có giá trị.</li> </ul>											

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b>  <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b>          Khoa Xét nghiệm          Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Silver nitrate</b></p>	<p>MSDS: 24          16/10/2012</p>
<p><b>Gây đột biến gen:</b> không có giá trị.  <b>Gây quái thai:</b> không có giá trị.  <b>Độc tính phát triển:</b> không có giá trị.</p> <p>Hóa chất gây độc cho phổi, có thể gây độc cho màng nhày, da, mắt. Tiếp xúc kéo dài và lặp lại có thể làm tổn thương cơ quan trong cơ thể. Tiếp xúc với mắt ở nồng độ bụi thấp có thể gây ra kích ứng mắt. Tiếp xúc da nhiều lần sẽ làm viêm, phá hủy tế bào da. Hít thở nhiều lần sẽ gây kích ứng hay tổn thương phổi tùy theo mức độ tiếp xúc.</p>		
<p><b>4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tiếp xúc với mắt</b>              Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút, có thể sử dụng nước lạnh. Gọi cấp cứu ngay.</li> <li>- <b>Tiếp xúc với da</b>              Phải rửa ngay với nhiều nước ít nhất 15 phút, thay bỏ quần áo nhiễm bẩn. Xoa chỗ da tiếp xúc với thuốc làm mềm da. Quần áo phải được tẩy giặt trước khi sử dụng lại. Gọi sự trợ giúp y tế.              Trong trường hợp nặng, rửa với xà phòng khử trùng và xoa chỗ vùng da tiếp xúc với kem chống khuẩn. Gọi sự trợ giúp y tế.</li> <li>- <b>Hít thở</b>              Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...              Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân.              Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát.              Gọi cấp cứu nếu vấn đề hô hấp không được cải thiện.</li> <li>- <b>Nuốt vào</b>              Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, nếu nạn nhân bất tỉnh, thực hiện hô hấp hồi sức. cần gọi cấp cứu ngay. Nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...</li> </ul>		
<p><b>5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đặc tính cháy của hóa chất:</b> không cháy.</li> <li>- <b>Nhiệt độ tự bốc cháy:</b> không áp dụng.</li> </ul>		

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b>  <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b>          Khoa Xét nghiệm          Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Silver nitrate</b></p>	<p>MSDS: 24          16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm bốc cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Giới hạn có thể cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Sản phẩm cháy:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác:</b> chất không tương thích, vật liệu cháy.</li> <li>- <b>Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác</b>  <i>Tác động cơ học:</i> không có giá trị.  <i>Tác động tĩnh:</i> không có giá trị.</li> <li>- <b>Chỉ dẫn chữa cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Lưu ý với nguy cơ cháy:</b> tác dụng với những chất gây cháy hay hóa chất hữu cơ có thể gây cháy.</li> <li>- <b>Lưu ý với nguy cơ nổ:</b> silver nitrate trộn với bột khô magnesium có thể gây nổ nếu có nước. Nếu tác dụng với alcohol sẽ tạo nên nổ phun trào. Kết hợp với calcium carbide sẽ tạo ra nổ mạnh.</li> </ul>		
<p><b>6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ</b>              Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác.</li> <li>- <b>Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn</b>              Hóa chất oxy hóa, ăn mòn, nếu rò rỉ thì cần phải ngăn lại. Không để nước chảy vào thùng chứa. Hạn chế để hóa chất gần với các vật liệu cháy (gỗ, giấy, dầu, đồ đạc...). Giữ hóa chất ẩm bằng tia nước. Không được chạm vào hóa chất đổ tràn. Sử dụng tia nước để hạn chế bụi bay hơi. Ngăn hóa chất xâm nhập vào hệ thống cống, tầng hầm hay khu vực hạn chế. Gọi trợ giúp khi xử lý sự cố. Cần cẩn trọng với hóa chất khi nồng độ cao hơn TLV.</li> </ul>		
<p><b>7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Sự đề phòng</b>              Giữ thùng chứa khô, để xa nguồn nhiệt, vật liệu dễ cháy. Không được nuốt hay hít thở bụi. Không bao giờ cho nước vào hóa chất. Ở nơi thiếu oxy hay thông thoáng, trang bị thiết bị hô hấp phù hợp. Nếu nuốt phải, cần phải gặp bác sĩ. Tránh để tiếp xúc với da và mắt.</li> <li>- <b>Tồn trữ</b>              Đóng chặt nắp, giữ thùng chứa ở nơi thoáng mát. Lưu hóa chất xa axit, kiềm, tác chất khử</li> </ul>		

<b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	<b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Silver nitrate</b>	MSDS: 24 16/10/2012
và cháy. Trữ trong thùng chứa ngăn ánh sáng.		
<b>8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiểm soát kỹ thuật</b> Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn.</li> <li>- <b>Bảo hộ cá nhân:</b> kính bảo hộ, tạp dề, khẩu trang ngăn bụi và khí, găng tay.</li> <li>- <b>Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn:</b> kính bảo hộ, trang phục bảo hộ toàn bộ, mặt nạ ngăn bụi và khí, ủng, găng tay. Có thể sử dụng thiết bị trợ hô hấp nếu cần. Tham khảo ý kiến chuyên gia trước khi xử lý sự cố.</li> <li>- <b>Giới hạn tiếp xúc:</b> STEL: 0,01 (mg/m<sup>3</sup>) cho ACGIH (TLV) US.</li> </ul>		
<b>9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trạng thái và hình dạng vật lý:</b> thể rắn (tinh thể rắn).</li> <li>- <b>Mùi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Vị:</b> đắng.</li> <li>- <b>Khối lượng phân tử:</b> 169,87 g/mole.</li> <li>- <b>Màu:</b> không màu, trắng.</li> <li>- <b>pH (1% dung môi/nước):</b> 6-7 (hơi axit tới trung hòa).</li> <li>- <b>Điểm sôi:</b> nhiệt độ phân hủy: 440°C.</li> <li>- <b>Điểm tan chảy:</b> 212°C.</li> <li>- <b>Nhiệt độ tới hạn:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Trọng lượng riêng:</b> 4,35 (nước = 1).</li> <li>- <b>Áp suất bay hơi:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Tỉ trọng bay hơi:</b> 5,8 (không khí = 1).</li> <li>- <b>Sự bay hơi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Ngưỡng mùi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Hệ số phân phối nước/dầu:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Ionicity (trong nước):</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Tính chất phân tán:</b> hòa tan trong nước, diethyl ether.</li> <li>- <b>Sự hòa tan:</b> dễ dàng hòa tan trong nước nóng, nước lạnh, diethyl ether.</li> </ul>		

<b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	<b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Silver nitrate</b>	MSDS: 24 16/10/2012
--	--	------------------------

### 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- **Độ ổn định:** hóa chất ổn định.
- **Nhiệt độ gây không ổn định:** không có giá trị.
- **Những điều kiện gây không ổn định:** hóa chất không tương thích, hóa chất dễ cháy, vật liệu hữu cơ, kiềm.
- **Những hóa chất không tương thích:** phản ứng với chất khử, kim loại.
- **Tính ăn mòn:** không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh.
- **Poly hóa:** không xảy ra.
- **Lưu ý về phản ứng của hóa chất:** nhạy với ánh sáng. Không tương thích với muối alimony, arsenite, bromide, carbonate, chloride, iodide, thiocyanates, muối ferrous, hypophosphite, muối morphine, dầu, creosote, phosphate, axit tannic, tartrate, salts, hypophosphites, morphine salts, dầu, creosote, phosphates, tartrates, dịch triết phân hủy từ rau quả, sodium hydroxide, charcoal, thimerosal, benzalkonium chloride, axit halogen và các muối halogen, alcohol. Silver nitrate phản ứng với acetylene khi có hiện diện của ammonia tạo silver acetylide, chất dễ nổ khi khô. Phản ứng giữa silver nitrate và axit chlorosulfonic xảy ra mãnh liệt. Silver nitrate bị khử bởi hydrogen sulfide trong bóng tối. Silver nitrate dễ bị khử thành kim loại silver bởi muối ferrous, arsenite, hypophosphite, tartrate, đường, tannins, hơi dầu.

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- **Đường đi vào:** hấp thụ qua da, viêm da, tiếp xúc mắt, hô hấp, tiêu hóa.
- **Độc tính lên động vật:** liều độc cấp tính qua đường miệng(LD<sub>50</sub>): 50 (mg/kg) ở chuột.
- **Ảnh hưởng mãn tính lên con người:** gây tổn thương cho những cơ quan như phổi, màng nhày, da, mắt.
- **Ảnh hưởng độc tính lên con người:** vô cùng độc hại tới da (ăn mòn, kích ứng), nuốt phải. Độc hại tới da (thẩm thấu), hít phải. Ít độc hại cho da (ăn mòn).
- **Lưu ý ảnh hưởng mãn tính khác cho con người:** có thể ảnh hưởng đến vật liệu di truyền. Có thể gây ra ung thư trên dữ liệu thí nghiệm động vật. Có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản con người.
- **Lưu ý ảnh hưởng độc tính khác cho con người**  
**Độc cấp tính**  
 Da: gây kích ứng, phỏng, có thể gây ra viêm da. Hóa chất có thể hấp thụ qua da.  
 Mắt: gây ra kích ứng, làm đục giác mạc, chảy máu và bong màng kết, triệu chứng argyria, mù.

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b>  <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b>          Khoa Xét nghiệm          Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Silver nitrate</b></p>	<p>MSDS: 24          16/10/2012</p>
<p>Hô hấp: có thể làm kích ứng phần trên hệ hô hấp và phần trên hệ hô hấp và màng nhày. Triệu chứng bao gồm cảm giác thở khò khè, viêm thanh quản, thở ngắn. đau đầu, buồn nôn, nôn mửa.</p> <p>Tiêu hóa: gây kích ứng và bỏng phần trên hệ hô hấp, đau và bỏng ở vòm miệng, đau dữ dội ở bụng, làm đen da..., màng nhày, cổ họng và bụng, gây chảy nuốt bọt, nôn mửa ra chất đen, tiêu chảy, kích động, viêm nướu răng. Có thể ảnh hưởng đến thận, phổi.</p>		
<p><b>12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độc tính sinh thái:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>BOD<sub>5</sub> và COD:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Sản phẩm phân hủy sinh học:</b> những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.</li> </ul> <p><b>Độc tính sản phẩm phân hủy:</b> sản phẩm phân hủy ít độc tính hơn.</p>		
<p><b>13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.</li> <li>- <b>Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại)</b>  <i>Tái sử dụng nếu có thể</i>  <b>Thu gom và xử lý dạng rắn</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</li> <li>• Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.</li> </ul> <b>Thu gom và xử lý dạng lỏng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dung môi thái, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</li> <li>• Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp.</li> <li>• Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước.</li> </ul> <b>Xử lý hóa chất dạng hơi:</b> vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài. </li> </ul>		
<p><u>Chú ý:</u></p>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Silver nitrate</b></p>	<p>MSDS: 24 16/10/2012</p>
<p>- Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kị với nhau (tham khảo trong bảng).</p> <p>- Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn.</p> <p>- Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó.</p> <p>- Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.</p>		
<p><b>14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN</b></p>		
<p>- Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.</p> <p>- <b>Xếp loại DOT:</b> CLASS 5.1: vật liệu oxi hóa. <b>Nhận dạng:</b> Silver nitrate UNNA: 1493 PG:II.</p>		
<p><b>15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ</b></p>		
<p>- <b>Quy chuẩn áp dụng</b> Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002 Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009</p> <p>- <b>Xếp loại khác</b> <b>DSCL (EEC):</b> R8-tiếp xúc với vật liệu cháy gây cháy. R20/22-độc hại nếu nuốt hay hít phải. R34-gây phỏng. R50/53-rất độc tính cho quần thể thủy sinh, có thể có tác động ngược cho môi trường thủy sinh trong thời gian dài. S24/25-ngăn tiếp xúc với da, mắt. S26-trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa ngay với nhiều nước và gọi sự trợ giúp từ y tế. S28-Sau khi tiếp xúc với da, rửa ngay với nhiều nước. S36/37/39-trang bị trang phục bảo vệ, găng tay và mắt kính bảo vệ mắt, mặt. S45-trong trường hợp tai nạn xảy ra, nếu cảm thấy không khỏe, cần gọi trợ giúp y tế. S46-nếu nuốt phải cần gọi trợ giúp y tế. S60-hóa chất và thùng chứa được xử lý theo vật liệu độc hại. S61-ngăn thoát ra môi trường.</p> <p><b>HMIS (U.S.A.)</b></p> <p style="padding-left: 40px;">Độc hại sức khỏe: 3 Nguy hiểm cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Bảo vệ cá nhân: J</p> <p><b>National Fire Protection Association (U.S.A.)</b></p> <p style="padding-left: 40px;">Sức khỏe: 2</p>		

<b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	<b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Silver nitrate</b>	MSDS: 24 16/10/2012
Khả năng cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:		
<b>16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thông tin tham khảo:</b> Silver nitrate MSDS – science lab.com, INC, Mỹ.</li> <li>- <b>Ngày ghi:</b> 16/10/2012</li> <li>- <b>Ngày sửa đổi gần nhất:</b> 16/10/2012</li> <li>- <b>Tổ chức biên soạn:</b> Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường.</li> </ul> <p><i>Lưu ý người đọc:</i></p> <p><i>Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i></p> <p><i>Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i></p>		